

Số: *908* /TTTr - BNV

Hà Nội, ngày *03* tháng *12* năm 2002

**TRÌNH BAN CÁN SỰ ĐẢNG CHÍNH PHỦ**  
**Về việc đề bạt quân hàm cấp tướng**  
**và đề cán bộ cấp Tướng được nghỉ hưu năm 2002.**

Bộ Quốc phòng có văn bản số 4058/QP ngày 15 tháng 11 năm 2002 đề nghị đề bạt quân hàm cấp tướng cho 82 đồng chí và đề nghị để 13 cán bộ cấp tướng được nghỉ hưu năm 2002.

**A. ĐỀ NGHỊ ĐỀ BẠT QUÂN HÀM CẤP TƯỚNG CHO 82 ĐỒNG CHÍ, BAO GỒM:**

- 01 Đại tướng;
- 07 Thượng tướng;
- 20 Trung tướng;
- 54 Thiếu tướng.

**I- Thăng quân hàm từ cấp Thượng tướng lên cấp Đại tướng cho 01 đồng chí:**

1. Đồng chí: **Phạm Văn Trà**, thượng tướng (1998), Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (9/1997);
  - Sinh năm 1935 (67 tuổi), tại Bắc ninh;
  - Nhập ngũ tháng 9/1953;
  - Vào Đảng tháng 5/1956, chính thức tháng 11/1956. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng khoá IX, Phó bí thư Đảng uỷ Quân sự Trung ương;
  - Đại biểu Quốc hội khoá XI.

*Tín nhiệm: 96,8%*

**II/ Thăng quân hàm từ cấp Trung tướng lên cấp Thượng tướng: 07 đồng chí.**

1. Đồng chí: **Lê Văn Dũng**, trung tướng (1998), Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị QĐND Việt nam (5/2001);
  - Sinh năm 1945(57 tuổi), tại Bến tre;
  - Nhập ngũ tháng 3/1963;

- Vào Đảng tháng 9/1965, chính thức tháng 9/1966. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Bí thư Trung ương Đảng khoá IX, Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ Quân sự trung ương.

- Đại biểu Quốc hội khoá XI.

*Tín nhiệm : 100%*

2. Đồng chí: **Phùng Quang Thanh**, trung tướng (1999); Thứ trưởng Bộ Quốc phòng-Tổng tham mưu trưởng QĐNDVN (5/2001)

- Sinh năm 1949 (53 tuổi), tại Vĩnh phúc

- Nhập ngũ tháng 1/1967

- Vào Đảng tháng 6/1968, chính thức 6/1969. Cấp uỷ Đảng hiện nay : Uỷ viên Trung ương Đảng khoá IX, Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ Quân sự trung ương.

- Đại biểu Quốc hội khoá XI.

*Tín nhiệm : 96,8%*

3. Đồng chí: **Nguyễn Huy Hiệu**, trung tướng (1998)

Thứ trưởng Bộ Quốc phòng (11/1999)

- Sinh năm 1947(55 tuổi), tại Nam định

- Nhập ngũ tháng 2/1965

- Vào Đảng tháng 8/1967, chính thức tháng 8/1968. Cấp uỷ hiện nay: Uỷ viên Trung ương Đảng khoá IX, Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ Quân sự Trung ương.

*Tín nhiệm: 87,5%*

4. Đồng chí: **Nguyễn Văn Rinh**, Trung tướng (1998)

Thứ trưởng Bộ Quốc phòng (8/1998)

- Sinh năm 1942 (60 tuổi), tại Hải dương

- Nhập ngũ tháng 2/1961

- Vào Đảng tháng 12/1963, chính thức tháng 12/1964. Cấp uỷ hiện nay: Uỷ viên trung ương Đảng khoá IX, Đảng uỷ viên Đảng uỷ Quân sự Trung ương.

- Đại biểu Quốc hội khoá XI.

*Tín nhiệm : 81,2%*

5. Đồng chí: **Nguyễn Văn Được**, Trung tướng (1999)

Thứ trưởng Bộ Quốc phòng (10/2002)

- Sinh năm 1946 (56 tuổi), tại Quảng Ngãi

- Nhập ngũ tháng 9/1961.

- Vào Đảng tháng 6/1966, chính thức tháng 4/1967. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên Trung ương Đảng khoá IX; Đảng uỷ viên Đảng uỷ QSTU.

*Tín nhiệm: 85,3%*

6. Đồng chí: **Phan Trung Kiên**, Trung tướng (1999)  
Thứ trưởng Bộ Quốc phòng (10/2002)  
- Sinh năm 1946 (56 tuổi), tại thành phố Hồ Chí Minh  
- Nhập ngũ tháng 5/1965  
- Vào Đảng tháng 11/1966, chính thức 11/1967. Cấp uỷ Đảng hiện nay:  
Ủy viên Trung ương Đảng khoá IX; Đảng uỷ viên Đảng uỷ QSTU

*Tín nhiệm: 88,2%*

7. Đồng chí: **Nguyễn Thế Trị**, Trung tướng (1998)  
Giám đốc học viện Quốc phòng (9/1996)  
- Sinh năm 1940 (62 tuổi), tại Hải Dương  
- Nhập ngũ tháng 5/1958  
- Vào Đảng tháng 1/1961, chính thức tháng 1/1962. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Ủy viên Trung ương Đảng khoá IX, Ủy viên Đảng uỷ Quân sự Trung ương, Phó bí thư Đảng uỷ học viện.

*Tín nhiệm: 78,1 %*

**II/ Thăng quân hàm từ cấp Thiếu tướng lên cấp Trung tướng: 20 đồng chí.**

1. Đồng chí: **Trương Đình Thanh**, Thiếu tướng (1992 )  
Tư lệnh quân khu 4 ( 2/2002)  
- Sinh năm 1944 (58 tuổi), tại Quảng bình  
- Nhập ngũ tháng 2/1961  
- Vào Đảng tháng 10/1964, chính thức tháng 10/1965. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Phó bí thư Đảng uỷ quân khu.

*Tín nhiệm : 100%*

2. Đồng chí: **Nguyễn Văn Thân**, Thiếu tướng (1998)  
Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân (2/2002).  
- Sinh năm 1945 (57 tuổi), tại Ninh bình.  
- Nhập ngũ tháng 4/1962.  
- Vào Đảng tháng 3/1964, chính thức tháng 3/1965; cấp uỷ Đảng hiện nay: Phó bí thư Đảng uỷ quân chủng.  
- Đại biểu Quốc hội khoá XI.

*Tín nhiệm: 100%*

3. Đồng chí : **Đàm Đình Trại**, Thiếu tướng (1999)  
Phó tư lệnh về Chính trị Quân khu 1(8/1998)  
- Sinh năm 1947 (55 tuổi), tại Cao bằng. Dân tộc: Tày  
- Nhập ngũ tháng 2/1965.  
- Vào Đảng tháng 4/1968, chính thức tháng 1/1969. Cấp uỷ hiện nay: Bí thư Đảng uỷ Quân khu 1.

- Đại biểu Quốc hội khoá XI.

*Tín nhiệm : 100%*

4. Đồng chí: **Nguyễn Tiến Long**, Thiếu tướng (1999).

Phó tư lệnh về Chính trị Quân khu 3 (11/1999).

- Sinh năm 1944 (58 tuổi), tại Hải dương

- Nhập ngũ: tháng 6/1963

- Vào Đảng 12/64, chính thức tháng 12/65. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Bí thư Đảng uỷ quân khu.

*Tín nhiệm: 96,8%*

5. Đồng chí: **Phạm Hồng Minh**, Thiếu tướng (1998)

Phó tư lệnh về Chính trị quân khu 4 (12/97)

- Sinh năm 1946 (56 tuổi), tại Nghệ An

- Nhập ngũ tháng 10/1963

- Vào đảng tháng 2/1968, chính thức 11/1968; Cấp uỷ Đảng hiện nay: Bí thư Đảng uỷ Quân khu 4.

- Đại biểu Quốc hội khoá XI.

*Tín nhiệm: 100%*

6. Đồng chí **Nguyễn Văn Chia**, Thiếu tướng (1990 )

Tư lệnh Quân khu 7 (10/2002)

- Sinh năm 1942 (60 tuổi), tại thành phố Hồ Chí Minh

- Nhập ngũ tháng 5/1961

- Vào Đảng tháng 2/1963, chính thức tháng 7/1963. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ quân khu 7.

*Tín nhiệm: 96,8%*

7. Đồng chí: **Phạm Hồng Lợi**, Thiếu tướng (1999)

Phó tổng tham mưu trưởng QĐNDVN (2/2002)

- Sinh năm 1950 (52 tuổi), tại Cà mau

- Nhập ngũ tháng 11/1967

- Vào Đảng tháng 7/1970, chính thức 4/1971. Quá trình đào tạo: học viện Lục quân (76-78), học viện Quốc phòng (86-88), lý luận chính trị cao cấp học viện Chính trị-quân sự (96).

*Tín nhiệm: 100%*

8. Đồng chí **Phạm Xuân Thệ**, Thiếu tướng (1998)

Tư lệnh Quân khu 1 (10/2002)

- Sinh năm 1947 (55 tuổi), tại Hà nam.

- Nhập ngũ tháng 8/1967

- Vào Đảng tháng 2/1968, chính thức tháng 11/1968. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ đảng uỷ quân khu 1.

*Tín nhiệm: 87,5%*

*Tín nhiệm: 87,5%*

9. Đồng chí: **Nguyễn Như Hoạt**, Thiếu tướng (1999)

Tư lệnh Quân khu Thủ đô (10/2002)

- Sinh năm 1950 (52 tuổi) tại Bắc ninh

- Nhập ngũ tháng 3/1967

- Vào Đảng tháng 1/1971, chính thức tháng 10/1971. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ đảng uỷ quân khu 1.

*Tín nhiệm : 90,6%*

10. Đồng chí: **Đào Văn Lợi**, Thiếu tướng (1998)

Giám đốc học viện Lục quân (11/2000)

- Sinh năm 1947 (55 tuổi), tại Hải dương

- Nhập ngũ tháng 4/1965

- Vào Đảng tháng 11/1967, chính thức tháng 8/1968. Cấp uỷ hiện nay: Phó bí thư đảng uỷ Học viện.

*Tín nhiệm: 96,8%*

11. Đồng chí: **Nguyễn Hữu Khảm**, Thiếu tướng (1999)

Phó Tổng Tham mưu trưởng QĐNDVN (11/2002)

- Sinh năm 1948(54 tuổi) tại Ninh bình

- Nhập ngũ tháng 6/1966 .

- Vào Đảng tháng 8/1968, chính thức tháng 8/1969. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ Bộ tổng Tham mưu.

*Tín nhiệm: 93,7%*

12. Đồng chí: **Phạm Hồng Thanh**, Thiếu tướng (1999)

Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị QĐNDVN (11/2002)

- Sinh năm 1946(56 tuổi), tại Quảng bình

- Nhập ngũ tháng 10/1966

- Vào Đảng tháng 11/1968, chính thức tháng 11/1969. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ cơ quan tổng cục Chính trị.

Quá trình đào tạo: Học viện Chính trị-quân sự (71-74), đào tạo giáo viên (74-75), học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (95).

*Tín nhiệm: 87,5%*

13. Đồng chí: **Trần Ngọc Yến**, Thiếu tướng (1992)

Phó tư lệnh Quân khu 5 (7/1995)

- Sinh năm 1944 (58 tuổi), tại Quảng nam

- Nhập ngũ tháng 12/1964

- Vào Đảng tháng 11/1966, chính thức tháng 8/1967. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ quân khu.

*Tín nhiệm: 87,5%*

14. Đồng chí: **Nguyễn Văn Bé**, Thiếu tướng (1994)  
Phó tư lệnh Quân khu 7 (7/1995)  
- Sinh năm 1946 (56 tuổi), tại Trà vinh  
- Nhập ngũ tháng 1/1962.  
- Vào Đảng tháng 4/1966, chính thức tháng 4/1967. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ quân khu.

*Tín nhiệm: 90,6%*

15. Đồng chí : **Phạm Ngọc Nghinh**, Thiếu tướng (1998)  
Phó giám đốc về Chính trị học viện Quốc phòng (11/2000)  
- Sinh năm 1945 (57 tuổi), tại Thái bình  
- Nhập ngũ: tháng 8/1964  
- Vào Đảng tháng 12/1965, chính thức tháng 12/1966. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Bí thư Đảng uỷ Học viện .

*Tín nhiệm: 97%*

16. Đồng chí: **Lê Ngọc Sanh**, Thiếu tướng (1999)  
Phó giám đốc về Chính trị học viện Lục quân (6/97)  
- Sinh năm 1944(58 tuổi), tại Quảng Ngãi  
- Nhập ngũ tháng 2/1965  
- Vào Đảng tháng 8/1965, chính thức tháng 8/1966. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Bí thư Đảng uỷ học viện.

*Tín nhiệm: 88,2 %*

17. Đồng chí: **Bùi Sĩ Vui**, Thiếu tướng (1998)  
Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ Quân sự Trung ương (8/2001)  
- Sinh năm 1948 (54), tại Thanh hoá  
- Nhập ngũ tháng 2/1965  
- Vào Đảng tháng 12/1967, chính thức tháng 9/ 1968. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Đảng uỷ viên Đảng uỷ cơ quan Tổng cục Chính trị.

*Tín nhiệm: 91,1%*

18. Đồng chí : **Đỗ Đức Pháp**, Thiếu tướng (1999)  
Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật. (2/2002)  
- Sinh năm 1941 (61 tuổi), tại Quảng Ngãi  
- Nhập ngũ tháng 8/1965  
- Vào Đảng tháng 2/1970, chính thức tháng 11/1970. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Phó Bí Đảng uỷ Tổng cục.

*Tín nhiệm: 94,1%*

19. Đồng chí: **Hoàng Anh Tuấn**, Thiếu tướng (1998)  
Phó chủ nhiệm tổng cục Kỹ thuật về Chính trị (11/96)  
- Sinh năm 1944 (58 tuổi), tại Hà Tây

- Vào Đảng tháng 6/1966, chính thức tháng 8/1967. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Bí thư đảng uỷ tổng cục Kỹ thuật.

*Tín nhiệm: 84,8%*

20. Đồng chí: **Đặng Vũ Liêm**, Thiếu tướng (1998)

Phó tư lệnh về Chính trị Bộ đội Biên phòng (4/96)

- Sinh năm 1942 (60 tuổi), tại Hưng Yên

- Nhập ngũ tháng 2/1961

- Vào Đảng tháng 7/1963, chính thức tháng 8/1964. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Bí thư Đảng uỷ Bộ đội Biên phòng.

*Tín nhiệm: 91,1%*

#### **IV- Phong quân hàm cấp Thiếu tướng : 54 đồng chí**

1. Đồng chí: **Hoàng Văn Toái**, Đại tá (1994)

Phó tư lệnh Quân khu 2 (2/2002)

- Sinh năm: 1950 (52 tuổi), tại Hà Giang. Dân tộc: Tày

- Nhập ngũ tháng 7/1968

- Vào Đảng tháng 3/1969, chính thức tháng 3/1970. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Đảng uỷ viên Quân khu.

- Đại biểu Quốc hội khoá XI.

*Tín nhiệm: 100%*

2. Đồng chí: **Nguyễn Văn Lân**, Đại tá (1995)

Phó tư lệnh quân khu 3 (2/2002)

- Sinh năm 1950 (52 tuổi), tại Hải phòng

- Nhập ngũ tháng 3/1967

- Vào Đảng tháng 4/1970, chính thức tháng 04/1971.

- Đại biểu Quốc hội khoá XI.

Quá trình đào tạo: Quân chính quân khu 5 (72-73 và 76-77), Học viện quân sự Liên xô (79-83), HVQP (94), lý luận chính trị cao cấp Học viện Chính trị (2002).

*Tín nhiệm: 96,7%*

3. Đồng chí: **Nguyễn Song Phi**, Đại tá (1997)

Phó tư lệnh Quân khu 4 (2/2002).

- Sinh năm 1951 (51 tuổi), tại Quảng bình

- Nhập ngũ tháng 5/1970

Vào Đảng tháng 12/1972, chính thức tháng 12/1973.

*Tín nhiệm: 100%*

4. Đồng chí: **Trần Phi Hổ**, Đại tá (1996)

Phó tư lệnh kiêm tham mưu trưởng Quân khu 9 (2/2002)

- Sinh năm 1953 (49 tuổi), tại Cà mau
- Nhập ngũ tháng 02/1974
- Vào Đảng tháng 3/1973, chính thức tháng 3/1974. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Đảng uỷ viên đảng uỷ Quân khu 9.

*Tín nhiệm: 100%*

5. Đồng chí: **Ngô Văn Dương**, Đại tá (1990)

Phó tư lệnh Quân khu 9 (2/2002)

- Sinh năm 1945 (57 tuổi), tại Kiên giang
- Nhập ngũ tháng 10/1968
- Vào Đảng tháng 5/1963, chính thức tháng 02/1964.

*Tín nhiệm: 100%*

6. Đồng chí: **Nguyễn Văn Đạo**, Đại tá (1997 )

Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng Quân khu 1(11/2002)

- Sinh năm 1950 (52 tuổi), tại Hà tây
- Nhập ngũ tháng 4/1968
- Vào Đảng tháng 10/1970, chính thức tháng 10/1971.

*Tín nhiệm: 100 %*

7. Đồng chí: **Bùi Đăng Phiệt**, Đại tá (1997)

Phó tư lệnh quân chủng Phòng không-Không quân (2/2002)

- Sinh năm 1948 (54 tuổi), tại Hải dương
- Nhập ngũ tháng 11/1966
- Vào Đảng tháng 3/1967, chính thức tháng 3/1968. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Đảng uỷ viên quân chủng.

*Tín nhiệm: 96,7 %*

8. Đồng chí: **Bế Quốc Hùng**, Đại tá (1995)

Phó tư lệnh quân chủng Hải quân (2/2002).

- Sinh năm 1949 (53 tuổi), tại Cao bằng. Dân tộc: Tày
- Nhập ngũ tháng 12/1966
- Vào Đảng tháng 7/1968, chính thức tháng 7/1969. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ Bộ tham mưu quân chủng.

*Tín nhiệm: 90,3 %*

9. Đồng chí: **Phan Khuê Tảo**, Đại tá (1996)

Tư lệnh Quân đoàn 1 (2/2002)

- Sinh năm 1949 (53 tuổi), tại Hải phòng
- Nhập ngũ tháng 9/1966
- Vào Đảng tháng 02/1969, chính thức tháng 02/1970. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Phó bí thư Đảng uỷ Quân đoàn 1.

*Tín nhiệm: 93,5 %*



10. Đồng chí: **Phạm Xuân Hùng**, Đại tá (1995)  
Tư lệnh Quân đoàn 3 (2/2002)  
- Sinh năm 1952 (50 tuổi), tại Nam định  
- Nhập ngũ tháng 12/1969  
- Vào Đảng tháng 12/1971, chính thức tháng 12/1972. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Phó bí thư Đảng uỷ Quân đoàn.  
*Tín nhiệm: 100 %*

11. Đồng chí : **Trần Bình**, Đại tá (1993)  
Phó chủ nhiệm tổng cục Hậu cần (11/1999)  
- Sinh năm 1946(56 tuổi), tại Hưng yên  
- Nhập ngũ tháng 5/1965  
- Vào đảng tháng 12/1966, chính thức tháng 12/1967. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Đảng uỷ viên tổng cục Hậu cần.  
*Tín nhiệm: 96,7 %*

12. Đồng chí: **Nguyễn Văn Dũng**, Đại tá (1998)  
Phó chủ nhiệm tổng cục Hậu cần (11/2000)  
- Sinh năm 1949 (53 tuổi), tại Nam định  
- Nhập ngũ tháng 5/1972.  
- Vào Đảng: 6/1976, chính thức tháng 6/1977. Cấp uỷ hiện nay: Đảng uỷ viên đảng uỷ tổng cục Hậu cần.  
*Tín nhiệm: 100%*

13. Đồng chí: **Nghiêm Sĩ Chúng**, Đại tá (1994)  
Phó chủ nhiệm kiêm Tham mưu trưởng Tổng cục Kỹ thuật (2/2002)  
- Sinh năm 1945 (57 tuổi), tại Lâm Đồng  
- Nhập ngũ tháng 11/1965  
- Vào Đảng tháng 6/1969, chính thức tháng 3/1970. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Đảng uỷ viên Tổng cục Kỹ thuật.  
*Tín nhiệm: 100 %*

14. Đồng chí : **Nguyễn Hồng Thanh**, Đại tá (1993)  
Phó tổng cục trưởng Tổng cục 2 (11/2002)  
- Sinh năm 1945(57 tuổi), tại Hà nam  
- Nhập ngũ tháng 5/1963  
- Vào Đảng tháng 5/1963, chính thức tháng 5/1964. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Phó bí thư Đảng uỷ Tổng cục 2.  
*Tín nhiệm : 96,7 %*

15. Đồng chí: **Lê Hoài Thanh**, Đại tá (1996)  
Phó tổng cục trưởng Tổng cục 2 (11/2000)  
- Sinh năm 1950 (52 tuổi), tại Hải phòng

- Nhập ngũ tháng 3/1967  
- Vào Đảng tháng 8/1968, chính thức tháng 5/1969. Cấp uỷ hiện nay: Đảng uỷ viên đảng uỷ Tổng cục 2.

*Tín nhiệm: 96,7%*

16. Đồng chí : **Triệu Xuân Hoà**, Đại tá (1995)  
Phó tư lệnh Quân khu 7 (11/2002)  
- Sinh năm 1953 (49 tuổi) tại Vĩnh phúc  
- Nhập ngũ tháng 12/1972  
- Vào Đảng tháng 9/1975, chính thức tháng 9/1976. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Đảng uỷ viên Đảng uỷ quân khu 7 .

*Tín nhiệm: 93,5%*

17. Đồng chí: **Nguyễn Văn Nghinh**, Đại tá (1996 )  
Phó tư lệnh Quân khu Thủ đô (11/2002)  
- Sinh năm 1950 (52 tuổi), tại Hà nam  
- Nhập ngũ tháng 2/1968  
- Vào Đảng tháng 4/1972, chính thức tháng 1/1973. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ Thành uỷ Hà nội.

*Tín nhiệm: 90,3%*

18 Đồng chí: **Trần Nam Phi**, Đại tá (1996)  
Phó tổng cục trưởng về Chính trị Tổng cục 2 (11/2002)  
- Sinh năm 1948 (54 tuổi) tại Tây ninh  
- Nhập ngũ tháng 01/1962  
- Vào Đảng tháng 02/1967, chính thức tháng 11/1967. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ Tổng cục 2.

*Tín nhiệm: 96,7 %*

19.Đồng chí: **Trương Quang Khánh**, Đại tá (1999)  
Tư lệnh binh chủng Công binh (11/2000)  
- Sinh năm 1953 (49 tuổi), tại Quảng Nam  
- Nhập ngũ tháng 6/1971  
- Vào Đảng tháng 2/1976, chính thức 11/1976. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Phó bí thư Đảng uỷ binh chủng.

*Tín nhiệm: 100 %*

20. Đồng chí: **Hoàng Khánh Hưng**, Đại tá (1995)  
Phó giám đốc về Chính trị học viện Kỹ thuật - Quân sự (6/2002)  
- Sinh năm 1947 (55 tuổi ), tại Nghệ An  
- Nhập ngũ tháng 11/1965  
- Vào Đảng tháng 10/1966, chính thức tháng 10/1967. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Bí thư Đảng uỷ học viện.

*Tín nhiệm: 96,7%*

21. Đồng chí: **Nguyễn Hữu Thìn**, Đại tá (1999)

Phó tư lệnh về Chính trị binh chủng Tăng-Thiết giáp (11/2000)

- Sinh năm 1951 (51 tuổi), tại Phú Thọ

- Nhập ngũ tháng 8/1970

- Vào Đảng tháng 5/1971, chính thức 5/1972. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Bí thư Đảng uỷ binh chủng.

*Tín nhiệm: 93,5 %*

22. Đồng chí: **Nguyễn Ngọc Lâm**, Đại tá (1995)

Phó tư lệnh về Chính trị Đoàn 969 (10/2000)

- Sinh năm 1950 (52 tuổi), tại Ninh Bình

- Nhập ngũ tháng 2/1968

- Vào Đảng tháng 9/1969, chính thức tháng 6/1970. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Bí thư Đảng uỷ đoàn 969.

*Tín nhiệm: 96,7%*

23. Đồng chí: **Nguyễn Phú Lợi**, Đại tá (1995)

Giám đốc học viện Khoa học Quân sự (3/98)

- Sinh năm 1952 (50 tuổi), tại Hải Phòng

- Nhập ngũ tháng 7/1971

- Vào Đảng tháng 8/1972, chính thức tháng 5/1973. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Phó bí thư Đảng uỷ học viện.

*Tín nhiệm: 96,7 %*

24. Đồng chí: **Hà Văn Tuy**, Đại tá (1998)

Phó giám đốc về Chính trị, học viện Quân y (11/1995)

- Sinh năm 1944 (58 tuổi), tại Phú Thọ

- Nhập ngũ tháng 2/1965

- Vào Đảng tháng 10/1966, chính thức tháng 10/1967. Cấp uỷ hiện nay: Bí thư Đảng uỷ học viện.

*Tín nhiệm: 100 %*

25. Đồng chí: **Nguyễn Đức Quý**, Đại tá (1992)

Phó giám đốc học viện Lục quân (11/1996)

- Sinh năm 1947 (55 tuổi), tại Thanh Hoá

- Nhập ngũ tháng 9/1965

- Vào Đảng tháng 11/1967, chính thức tháng 11/1968. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ học viện.

*Tín nhiệm: 100 %*

26. Đồng chí: **Trịnh Văn Noi**, Đại tá (1989)

Phó giám đốc học viện Lục quân (6/1998)

- Sinh năm 1949 (53 tuổi), tại Thanh hoá
- Nhập ngũ tháng 3/1967
- Vào Đảng tháng 11/1967, chính thức tháng 11/1968. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Đảng uỷ viên học viện.

*Tín nhiệm: 100%*

27. Đồng chí: **Vũ Quang Lộc**, Đại tá (1998)  
Phó giám đốc học viện Chính trị-Quân sự (12/97)

- Sinh năm 1949 (53 tuổi), tại Phú Thọ
- Nhập ngũ tháng 5/1972
- Vào Đảng tháng 10/1968, chính thức tháng 10/1969. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Đảng uỷ viên học viện.

*Tín nhiệm: 93,5%*

28. Đồng chí: **Nguyễn Tuấn Dũng**, Đại tá (1999)  
Phó tư lệnh về Chính trị, Quân đoàn 3 (2/2002)

- Sinh năm 1952 (50 tuổi), tại Hà Tĩnh
- Nhập ngũ tháng 4/1970
- Vào Đảng tháng 4/1973, chính thức tháng 1/1974. Nguyên đảng uỷ viên học viện Chính trị-Quân sự.

*Tín nhiệm: 93,5%*

29. Đồng chí: **Vi Văn Mạn**, Đại tá (1997)  
Chủ nhiệm Chính trị Quân khu 1 (6/2000)

- Sinh năm 1949 (53 tuổi), tại Lạng Sơn. Dân tộc: Tày
- Nhập ngũ tháng 5/1966
- Vào Đảng tháng 2/1969, chính thức tháng 2/1970. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ quân khu.

*Tín nhiệm: 100%*

30. Đồng chí: **Phạm Quang Vinh**, Đại tá (1993)  
Chủ nhiệm Chính trị, Quân khu 3 (6/2000)

- Sinh năm 1949 (53 tuổi), tại Thái Bình
- Nhập ngũ tháng 01/1967
- Vào Đảng tháng 5/1969, chính thức tháng 2/1970. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ quân khu.

*Tín nhiệm: 96,7%*

31. Đồng chí: **Nguyễn Phong Phú**, Đại tá (1993)  
Chủ nhiệm Chính trị, Quân khu 4 (12/97)

- Sinh năm 1946 (56 tuổi), tại Nghệ An
- Ngày Nhập ngũ tháng 6/1965
- Vào Đảng tháng 12/1964, chính thức tháng 12/1965. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ quân khu.

*Tín nhiệm: 96,7%*

32. Đồng chí: **Nguyễn Văn Thắng**, Đại tá (1989)  
Chủ nhiệm Chính trị, Quân khu 5 (7/97)  
- Sinh năm 1947 (55 tuổi), tại Quảng Nam  
- Nhập ngũ tháng 10/1964  
- Vào Đảng tháng 6/1966, chính thức tháng 3/1967. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ quân khu.

*Tín nhiệm: 96,7 %*

33. Đồng chí: **Nguyễn Thành Cung**, Đại tá (1998)  
Chủ nhiệm Chính trị Quân khu 7 (6/2000)  
- Sinh năm 1953 (49 tuổi), tại Tây Ninh  
- Nhập ngũ tháng 9/1969  
- Vào Đảng tháng 10/1970, chính thức tháng 7/1971. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ quân khu.

*Tín nhiệm: 100%*

34. Đồng chí: **Nguyễn Thanh Dũng**, Đại tá (1993)  
Chủ nhiệm Chính trị Quân khu 9 (6/98)  
- Sinh năm 1948 (54 tuổi), tại Bạc Liêu  
- Nhập ngũ tháng 01/1965  
- Vào Đảng tháng 6/1967, chính thức tháng 3/1968. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ quân khu.

*Tín nhiệm: 100%*

35. Đồng chí: **Nguyễn Mạnh Hải**, Đại tá (1992)  
Chủ nhiệm Chính trị quân chủng Phòng không-Không quân (2/2001)  
- Sinh năm 1948 (54 tuổi), tại Thái Bình.  
- Nhập ngũ tháng 8/1964  
- Vào Đảng tháng 5/1967, chính thức tháng 6/1968. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ quân chủng.

*Tín nhiệm: 96,7%*

36. Đồng chí: **Vũ Cao Bằng**, Đại tá (1992)  
Chủ nhiệm Chính trị tổng cục Hậu cần (6/2000)  
- Sinh năm 1947 (55 tuổi), tại Ninh Bình  
- Nhập ngũ tháng 9/1965  
- Vào Đảng tháng 6/1968, chính thức tháng 6/1969. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Đảng uỷ viên đảng uỷ tổng cục Hậu cần.

*Tín nhiệm: 93,5%*

37. Đồng chí: **Trần Ngọc Anh**, Đại tá (1996)  
Phó Chánh thanh tra Bộ quốc phòng (10/2000)

- Sinh năm 1945 (57 tuổi), tại Hà Nam
- Nhập ngũ tháng 9/1967
- Vào Đảng tháng 5/1968, chính thức tháng 5/1969. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Đảng uỷ viên Đảng uỷ cơ quan Thanh tra.

*Tín nhiệm: 100%*

38. Đồng chí: **Trịnh Vương Hồng**, Đại tá (1997)  
Viện trưởng Viện Lịch sử quân sự Bộ quốc phòng (3/99)

- Sinh năm 1945 (57 tuổi), tại Hải Phòng
- Nhập ngũ tháng 4/1975
- Vào Đảng tháng 4/1977, chính thức tháng 4/1978. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Phó bí thư Đảng uỷ Viện Lịch sử quân sự.

*Tín nhiệm: 100%*

39. Đồng chí: **Phạm Thanh Lân**, Đại tá (1990)  
Cục trưởng Cục 25 (11/2000)

- Sinh năm 1951 (51 tuổi), tại Thái Bình
- Nhập ngũ tháng 12/1969
- Vào Đảng tháng 3/1971, chính thức tháng 3/1972. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Bí thư Đảng uỷ Cục 25.

*Tín nhiệm: 100 %*

40. Đồng chí: **Võ Minh Cẩm**, Đại tá (1996)  
Phó chủ nhiệm tổng cục Kỹ thuật (11/2000)

- Sinh năm 1948(54 tuổi), tại Quảng Ngãi
- Nhập ngũ tháng 7/1965
- Vào Đảng tháng 1/1969, chính thức tháng 10/1969. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Đảng uỷ viên tổng cục Kỹ thuật.

*Tín nhiệm: 96,7 %*

41. Đồng chí: **Trần Nghị**, Đại tá (1995)  
Tư lệnh Binh chủng Hoá học (9/1993)

- Sinh năm 1943 (59 tuổi), tại Hà Nam
- Nhập ngũ tháng 9/1962
- Vào Đảng tháng 5/1964, chính thức tháng 5/1965. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Phó bí thư Đảng uỷ Binh chủng.

*Tín nhiệm: 100%*

42. Đồng chí: **Chu Tiến Cường**, Đại tá (1998)  
Cục trưởng Cục Quân y, Tổng cục Hậu cần(12/2001)

- Sinh năm 1951 (51 tuổi), tại Bắc Ninh
- Nhập ngũ tháng 4/1975
- Vào Đảng tháng 12/1978, chính thức tháng 6/1980. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Đảng uỷ viên Đảng uỷ tổng cục Hậu cần.

*Tín nhiệm: 100%*

43. Đồng chí: **Nguyễn Hữu Hạ**, Đại tá (1996)

Cục trưởng Cục Điều tra Hình sự Bộ quốc phòng (12/1999)

- Sinh năm 1950 (52 tuổi), tại Hải Dương.

- Nhập ngũ tháng 12/1969

- Vào Đảng tháng 4/1971, chính thức tháng 1/1972. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Bí thư Đảng uỷ Cục.

*Tín nhiệm: 100%*

44. Đồng chí: **Đặng Văn Cán**, Đại tá (1989)

Chánh văn phòng Bộ quốc phòng (12/2001)

- Sinh năm 1943 (59 tuổi), tại Phú Thọ

- Nhập ngũ tháng 4/1962

- Vào Đảng tháng 10/1964, chính thức tháng 10/1965. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Đảng uỷ viên Đảng uỷ Bộ tổng Tham mưu - Cơ quan Bộ Quốc phòng.

*Tín nhiệm: 100%*

45. Đồng chí: **Trịnh Quốc Khánh**, Đại tá (1998)

Tổng Giám đốc Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga (5/99)

- Sinh năm 1951 (51 tuổi), tại Vĩnh Phúc

- Nhập ngũ tháng 8/1974

- Vào Đảng tháng 10/1980, chính thức tháng 10/1981. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Phó Bí thư Đảng uỷ Trung tâm.

*Tín nhiệm: 100%*

46. Đồng chí: **Đào Chí Cường**, Đại tá (1995)

Cục trưởng cục Bản đồ, Bộ tổng Tham mưu (3/94)

- Sinh năm 1943 (59 tuổi), tại Hải Dương

- Nhập ngũ tháng 9/1968

- Vào Đảng tháng 11/1973, chính thức tháng 8/1974. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Bí thư Đảng uỷ cục Bản đồ.

*Tín nhiệm: 93,5%*

47. Đồng chí: **Lê Xuân Tấu**, Đại tá (1993)

Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp (11/2002)

- Sinh năm 1945 (57 tuổi), tại Vĩnh Phúc

- Nhập ngũ tháng 4/1963

- Vào Đảng tháng 10/1967, chính thức tháng 7/1968. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ Binh chủng.

*Tín nhiệm: 96,7%*

48. Đồng chí: **Đông Minh Tại**, Đại tá (1998)

Phó Giám đốc Học viện Hậu cần (11/2000)

- Sinh năm 1950 (52 tuổi), tại Bắc Giang
- Nhập ngũ tháng 6/1968
- Vào Đảng tháng 4/1970, chính thức tháng 4/1971. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên Thường vụ Đảng uỷ Học viện.

*Tín nhiệm: 100%*

49. Đồng chí: **Nguyễn Đức Côn**, Đại tá (1994)  
Phó Giám đốc về Chính trị Học viện PK-KQ (5/99)

- Sinh năm 1945 (57 tuổi), tại Hà Nam
- Nhập ngũ tháng 2/1965
- Vào Đảng tháng 10/1966, chính thức tháng 10/1967. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Bí thư Đảng uỷ Học viện.

*Tín nhiệm: 100%*

50. Đồng chí: **Hà Xuân Thiệu**, Đại tá (1992)  
Tư lệnh Binh đoàn 16 (12/1998)

- Sinh năm 1944 (58 tuổi), tại Thanh hoá
- Nhập ngũ tháng 2/1968
- Vào Đảng tháng 2/1969, chính thức tháng 11/1969. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Bí thư Đảng uỷ Binh đoàn.

*Tín nhiệm: 100%*

51. Đồng chí: **Nguyễn Xuân Sang**, Đại tá (2001)  
Tư lệnh Binh đoàn 15, Quân khu 5 (12/1998)

- Sinh năm 1951 (51 tuổi), tại Quảng bình
- Nhập ngũ tháng 11/1969
- Vào Đảng tháng 10/1972, chính thức tháng 10/1973. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Đảng uỷ viên Quân khu 5.

*Tín nhiệm: 93,5%*

52. Đồng chí: **Hồ Trọng Lâm**, Đại tá (1992)  
Chủ nhiệm chính trị Bộ đội Biên phòng (7/97)

- Sinh năm 1946 (56 tuổi), tại Nghệ an
- Nhập ngũ tháng 02/1965
- Vào Đảng tháng 01/1965, chính thức tháng 01/1966. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Uỷ viên thường vụ Đảng uỷ bộ đội Biên phòng.

*Tín nhiệm: 96,7%*

53. Đồng chí : **Tống Ngọc Kiên**, Đại tá (1995)  
Phó chủ nhiệm về Chính trị tổng cục Công nghiệp Quốc phòng (11/2000)

- Sinh năm 1942 (60 tuổi), tại Ninh bình
- Nhập ngũ tháng 7/1961



- Vào Đảng tháng 5/1961, chính thức tháng 6/1962. Cấp uỷ Đảng hiện nay: Bí thư Đảng uỷ Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng.

*Tín nhiệm: 94,1 %*

**54. Đồng chí: Hoàng Tuyên, Đại tá (1997)**

Phó giám đốc về chính trị Trung tâm khoa học kỹ thuật và công nghệ Quân sự Bộ Quốc phòng (11/2000)

- Sinh năm 1947 (55 tuổi), tại Nam định

- Nhập ngũ tháng 12/1996

- Vào Đảng tháng 3/1970, chính thức tháng 11/1970. Cấp uỷ Đảng hiện nay : Bí thư Đảng uỷ Trung tâm.

Quá trình đào tạo: Học viện kỹ thuật Hung ga ri (67-74), Học viện Chính trị - Quân sự (79-82).

*Tín nhiệm: 94,1%*

**B. ĐỀ NGHỊ ĐỂ CÁN BỘ CẤP TƯỚNG NGHỈ HƯU : 13 ĐỒNG CHÍ**

(Thời gian nghỉ chuẩn bị hưu tính từ ngày 1 tháng 4 năm 2003)

1- Thiếu tướng : Trần Đức Việt, nguyên chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng ( 65 tuổi ).

2- Thiếu tướng : Nông Ngọc Toàn, nguyên Phó tư lệnh Quân khu 1 (62 tuổi).

3- Thiếu tướng : Lò Văn Nhài, nguyên Phó tư lệnh Quân khu 2 (66 tuổi).

4- Thiếu tướng : Đỗ Công Mùi, Phó tư lệnh Quân khu 3 (60 tuổi ).

5- Thiếu tướng : Mai Văn Cương, Phó tư lệnh Quân chủng Phòng - Không quân ( 61 tuổi ).

6- Thiếu tướng : Phạm Tuyền, Giám đốc học viện Hậu cần (67 tuổi ).

7- Thiếu tướng : Nguyễn Trường Cửu, Cục trưởng cục Khoa học Công nghệ - Môi trường, Bộ quốc phòng (60 tuổi )

8- Thiếu tướng : Vũ Tấn, Cục trưởng cục Đối ngoại Quân sự, Bộ quốc phòng (60 tuổi )

9- Thiếu tướng : Nguyễn Duy Bi, Cục trưởng cục Tác chiến Điện tử, Bộ tổng Tham mưu (62 tuổi )

10- Thiếu tướng : Nguyễn Văn Thực, Phó viện trưởng Viện Chiến lược Quân sự, Bộ quốc phòng (59 tuổi )

11- Thiếu tướng : Nguyễn Văn Trí, Cục trưởng cục Dân quân Tự vệ, Bộ tổng Tham mưu (60 tuổi )

12- Thiếu tướng : Nguyễn Chí Trung, nguyên Trợ lý đồng chí Tổng bí thư BCHTW Đảng (72 tuổi ); đã đề nghị.

13- Thiếu tướng : Nguyễn Đăng Kính, Viện trưởng Viện kiểm sát Quân sự Trung ương (61 tuổi ).

Sau khi nghiên cứu, về cơ bản Bộ Nội vụ nhất trí với ý kiến đề nghị của Bộ Quốc phòng; song để từng bước bổ sung cấp tướng vừa đảm bảo số lượng, vừa đảm bảo thời gian quy định theo Luật Sĩ quan năm 1999 và ở mỗi cương vị có thời gian thử thách, kết hợp với tuổi đời và vị trí công tác, mặc dù Luật Sĩ quan không quy định niên hạn đối với cấp tướng nhưng để từng bước thực hiện quy hoạch đội ngũ cán bộ chỉ huy cao cấp trong quân đội trước mắt cần có bước đi phù hợp, Bộ Nội vụ đề nghị:

- Cần cân nhắc thêm với những đồng chí mới phong quân hàm Thiếu tướng và Trung tướng năm 1999 nhưng đã đề nghị lên Trung tướng và Thượng tướng.

- Những đồng chí mới được bổ nhiệm trong năm 2002 nay đã phong Trung tướng và Thiếu tướng.

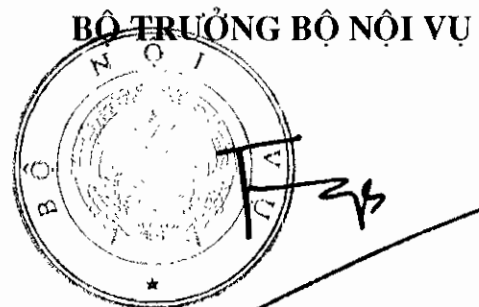
Riêng danh sách đề nghị hưu, Bộ Nội vụ nhất trí.

Trình Ban Cán sự Đảng Chính phủ xem xét, quyết định.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu VP, Vụ CCVC.

*Thư*



**Đỗ Quang Trung**

## **PHỤ LỤC**

### *Những đồng chí cần cần nhắc thêm*

---

#### **I- Những đồng chí mới được thăng quân hàm từ cấp Thiếu tướng lên cấp Trung tướng năm 1999.**

1. Đồng chí Phùng Quang Thanh, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng mới bổ nhiệm Thứ trưởng tháng 5 năm 2001.
2. Đồng chí Nguyễn Văn Đước, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng mới được bổ nhiệm Thứ trưởng tháng 10 năm 2002.
3. Đồng chí Phan Trung Kiên, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng mới được bổ nhiệm Thứ trưởng tháng 10 năm 2002.
4. Đồng chí Nguyễn Văn Rinh, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng sinh năm 1942, đã 60 tuổi.

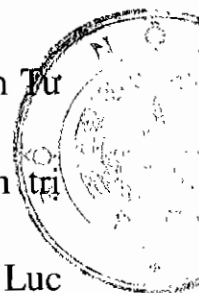
#### **II- Những đồng chí mới được phong quân hàm từ cấp Đại tá lên cấp Thiếu tướng năm 1999:**

1. Đồng chí Đàm Đình Trại, Phó Tư lệnh Chính trị Quân khu 1.
2. Đồng chí Nguyễn Tiến Long, Phó Tư lệnh Chính trị Quân khu 3.
3. Đồng chí Phạm Hồng Lợi, Phó Tổng tham mưu trưởng QĐND Việt Nam, bổ nhiệm Phó Tổng tham mưu trưởng QĐND Việt Nam tháng 2 năm 2002.
4. Đồng chí Nguyễn Như Hoạt, Tư lệnh Quân khu Thủ đô bổ nhiệm Tư lệnh tháng 10 năm 2002.
5. Đồng chí Phạm Hồng Thanh, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị QĐND Việt Nam, bổ nhiệm Phó Chủ nhiệm Tổng cục tháng 11 năm 2002.
6. Đồng chí Lê Ngọc Sanh, Phó giám đốc về chính trị Học viện Lục quân.
7. Đồng chí Đỗ Đức Pháp, Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật, được bổ nhiệm Chủ nhiệm Tổng cục tháng 02 năm 2002.

#### **III- Những đồng chí được thăng quân hàm từ cấp Thượng tá lên cấp Đại tá năm 1999:**

1. Đồng chí Trương Quang Khánh, Tư lệnh Binh chủng Công binh.
2. Đồng chí Nguyễn Hữu Thìn, Phó Tư lệnh về chính trị Binh chủng Tăng - Thiết giáp.
3. Đồng chí Nguyễn Tuấn Dũng, Phó Tư lệnh về chính trị Quân đoàn 3, bổ nhiệm Phó Tư lệnh tháng 02 năm 2002.

#### **IV- Những đồng chí mới được bổ nhiệm giữ chức vụ mới:**



1. Đồng chí Nguyễn Văn Chia, Tư lệnh Quân khu 7 (10/2002), sinh năm 1942 - đã 60 tuổi.
2. Đồng chí Phạm Xuân Thệ, Tư lệnh Quân khu 1 (10/2002).
3. Đồng chí Bùi Sỹ Vui, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quân sự Trung ương (8/2001).
4. Đồng chí Đặng Vũ Liêm, Phó Tư lệnh về chính trị bộ đội biên phòng (02/2002).
5. Đồng chí Hoàng Văn Toái, Phó tư lệnh Quân khu 2 (02/2002)
6. Đồng chí Nguyễn Văn Lâm, Phó Tư lệnh Quân khu 3 (02/2002).
7. Đồng chí Nguyễn Song Thi, Phó Tư lệnh Quân khu 4 (02/2002).
8. Đồng chí Trần Phi Hồ, Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng Quân khu 9 (02/2002).
9. Đồng chí Ngô Văn Dương, Phó Tư lệnh Quân khu 9 (02/2002).
10. Đồng chí Nguyễn Văn Đạo, Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng Quân khu 1 (11/2002).
11. Đồng chí Bùi Đăng Phiệt, Phó Tư lệnh binh chủng Phòng không không quân (02/2002).
12. Đồng chí Ngô Văn Dương, Phó Tư lệnh Quân khu 9 (02/2002).
13. Đồng chí Bế Quốc Hùng, Phó Tư lệnh Quân chủng Hải quân (02/2002).
14. Đồng chí Thang Khuê Tảo, Tư lệnh Quân đoàn 1 (02/2002).
15. Đồng chí Phạm Xuân Hùng, Tư lệnh Quân đoàn 3 (02/2002).
16. Đồng chí Nghiêm Sỹ Chúng, Phó Chủ nhiệm kiêm Tham mưu trưởng Tổng cục Kỹ thuật (02/2002).
17. Đồng chí Nguyễn Hồng Thanh, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục 2 (11/2002).
18. Đồng chí Triệu Xuân Hoà, Phó Tư lệnh Quân khu 7 (11/2002).
19. Đồng chí Nguyễn Văn Nghinh, Phó Tư lệnh Quân khu Thủ đô (11/2002).
20. Đồng chí Trần Nam Phi, Phó Tổng cục trưởng về chính trị Tổng cục 2 (11/2002).
21. Đồng chí Hoàng Khánh Hưng, Phó Giám đốc về chính trị Học viện Kỹ thuật - Quân sự (6/2002).
22. Đồng chí Chu Tiến Cường, Cục trưởng Cục Quân y Tổng cục Hậu cần (12/2001).
23. Đồng chí Đặng Văn Cẩn, Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng (12/2001).
24. Đồng chí Lê Xuân Tấu, Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp (11/2002).
25. Đồng chí Nguyễn Xuân Sang, Tư lệnh Binh đoàn 15 - Quân khu 5 (2001).